

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	1	27.00	3.5	30.50
2	Lý Thị	Nhung	TND018885	1	26.75	3.5	30.25
3	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
4	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
5	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
6	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
7	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
8	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	1	26.00	3.5	29.50
10	Phạm Thị	Nga	HDT017497	1	25.75	3.5	29.25
11	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
12	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
13	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
14	Bàn Thị	Vân	TND029017	2	25.50	3.5	29.00
15	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	1	25.50	3.5	29.00
16	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
17	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
18	Bùi Thị	Nường	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
19	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
20	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
21	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
22	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
24	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75
25	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75
26	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75
27	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
28	Trần Thị	Hằng	TDV009422	1	27.25	1.5	28.75
29	Quan Thị	Nga	DCN007886	1	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
31	Bùi Thị	Giang	DCN002642	2	25.00	3.5	28.50
32	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	1	28.00	0.5	28.50
33	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	1	25.00	3.5	28.50
34	Lò Thị	Diện	TTB001037	1	25.00	3.5	28.50
35	Võ Thị	Huyền	TDV013985	1	27.00	1.5	28.50
36	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	1	25.00	3.5	28.50
37	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	1	25.00	3.5	28.50
38	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
39	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	1	27.50	1.0	28.50
40	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	1	27.00	1.5	28.50
41	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
42	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
43	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50
44	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	2	24.75	3.5	28.25
45	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	2	24.75	3.5	28.25
46	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
47	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
48	Lê Thị	Lam	THP007705	1	27.25	1.0	28.25
49	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	1	26.75	1.5	28.25
50	Nông Thu	Trang	DCN011942	1	24.75	3.5	28.25
51	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
52	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25
53	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25
54	Phan Đức	Quý	TND020712	1	24.75	3.5	28.25
55	Nông Thị	Phương	KQH010977	1	24.75	3.5	28.25
56	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25
57	Và A	Tủa	TTB007056	2	24.50	3.5	28.00
58	Vừ A	Dia	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
60	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
61	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
62	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	1	26.00	2.0	28.00
63	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	1	24.50	3.5	28.00
64	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	1	26.50	1.5	28.00
65	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
66	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
67	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
68	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	1	27.50	0.5	28.00
69	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
70	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
71	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
72	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00
73	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
74	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
75	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
76	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
77	Đàm Thị	Nhung	TND018794	1	24.50	3.5	28.00
78	Lương Thị	Bền	TDV002344	1	24.50	3.5	28.00
79	Bùi Thị	Phương	LNH007269	1	24.50	3.5	28.00
80	Hoàng Thị	Phương	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
81	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	2	26.25	1.5	27.75
82	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
83	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	1	24.25	3.5	27.75
84	Lự Thị	Thúy	THV013127	1	24.25	3.5	27.75
85	Vương Hồng	Huyền	THP006755	1	26.75	1.0	27.75
86	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	1	27.25	0.5	27.75
87	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
89	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
90	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
91	Triệu Thị	Lấy	TND013609	1	24.25	3.5	27.75
92	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	1	24.25	3.5	27.75
93	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
94	Phạm Văn	Đông	HDT005678	1	26.25	1.5	27.75
95	Lý Thị	An	TND000038	1	24.25	3.5	27.75
96	Bàn Thị Mỹ	Hạnh	TQU001523	1	24.25	3.5	27.75
97	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	1	26.25	1.5	27.75
98	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	1	26.25	1.5	27.75
99	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75
100	Lò Văn	Duyên	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
101	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75
102	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	1	24.25	3.5	27.75
103	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
104	Chu Thị	Duyên	TND004274	2	24.00	3.5	27.50
105	Nông Thị	Loan	TND015028	2	24.00	3.5	27.50
106	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
107	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
108	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
109	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
110	Trần Thị	Thủy	YTB021441	2	26.50	1.0	27.50
111	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50
112	Hà Thị	Luyến	TQU003406	2	24.00	3.5	27.50
113	Phạm Thu	Phương	HDT020052	1	24.00	3.5	27.50
114	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	1	26.50	1.0	27.50
115	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
116	Hà Thu	Hằng	TTB002005	1	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	1	26.00	1.5	27.50
118	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	1	24.00	3.5	27.50
119	Lê Quốc	Hào	TDV008777	1	26.00	1.5	27.50
120	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
121	Hoàng Thị	Phượng	TDV023811	1	26.50	1.0	27.50
122	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50
123	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
124	Vi Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
125	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
126	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
127	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
128	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
129	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
130	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
131	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	1	26.00	1.5	27.50
132	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
133	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
134	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
135	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
136	Lê Phương	Anh	HDT000573	1	26.00	1.5	27.50
137	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50
138	Lý Thái	Bảo	TND001546	1	24.00	3.5	27.50
139	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	1	26.00	1.5	27.50
140	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
141	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	2	26.25	1.0	27.25
142	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25
143	Nông Thị	Xâm	TND029728	2	23.75	3.5	27.25
144	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	2	25.75	1.5	27.25
145	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	2	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25
147	Hồ Văn	Trai	DHU024012	2	23.75	3.5	27.25
148	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
149	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
150	La Thị	Dung	THV002048	1	23.75	3.5	27.25
151	Mã Thị	Thanh	SPH015271	1	23.75	3.5	27.25
152	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
153	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	1	23.75	3.5	27.25
154	Hà Thị	Hằng	KQH004209	1	23.75	3.5	27.25
155	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	1	25.75	1.5	27.25
156	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
157	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
158	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
159	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25
160	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
161	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
162	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	1	26.75	0.5	27.25
163	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
164	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
165	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
166	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
167	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
168	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
169	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	1	23.75	3.5	27.25
170	Phạm Thu	Hảo	THP004409	1	26.75	0.5	27.25
171	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
172	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25
173	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25
174	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	1	23.75	3.5	27.25
176	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
177	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25
178	Hoàng Thu	Hương	TND011776	2	23.50	3.5	27.00
179	Trần Thu	Ngân	THV009292	2	25.50	1.5	27.00
180	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	2	26.50	0.5	27.00
181	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
182	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
183	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
184	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	2	23.50	3.5	27.00
185	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	2	23.50	3.5	27.00
186	Lò Thị	Thanh	TTB005671	2	23.50	3.5	27.00
187	Giàng A	Lào	TTB003340	2	23.50	3.5	27.00
188	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	2	25.50	1.5	27.00
189	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00
190	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	2	25.50	1.5	27.00
191	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	2	23.50	3.5	27.00
192	Lường Thị	Hải	TTB001865	2	23.50	3.5	27.00
193	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
194	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
195	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	1	23.50	3.5	27.00
196	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
197	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00
198	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
199	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00
200	Thèn Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
201	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	1	25.50	1.5	27.00
202	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	1	25.50	1.5	27.00
203	Ma Thị	ánh	TQU000275	1	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Phạm Mai	Trang	TND026654	1	25.50	1.5	27.00
205	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
206	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
207	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
208	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
209	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	1	26.50	0.5	27.00
210	Lương Thị	Vân	TND029086	1	23.50	3.5	27.00
211	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
212	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
213	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
214	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	1	23.50	3.5	27.00
215	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
216	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00
217	Lò Đức	Giang	TTB001642	1	23.50	3.5	27.00
218	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00
219	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00
220	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
221	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
222	Vũ Thị	Thành	BKA011812	1	26.00	1.0	27.00
223	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
224	Đặng Thủy	Vân	THV015105	1	23.50	3.5	27.00
225	Chầu Thị	Đẹp	KQH002942	1	23.50	3.5	27.00
226	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	1	25.50	1.5	27.00
227	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	1	24.50	2.5	27.00
228	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
229	Nguyễn Thị Thuý	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
230	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
231	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
232	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	1	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	1	23.50	3.5	27.00
234	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
235	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
236	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
237	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
238	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
239	Đậu Thị	Sương	TDV026500	2	25.75	1.0	26.75
240	Đào Thị	Hương	HDT011993	2	25.75	1.0	26.75
241	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
242	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	2	25.25	1.5	26.75
243	Phùng Thị	Quyên	TND020831	2	23.25	3.5	26.75
244	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	2	25.25	1.5	26.75
245	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	2	25.25	1.5	26.75
246	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	2	25.75	1.0	26.75
247	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	2	26.25	0.5	26.75
248	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
249	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
250	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
251	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	1	25.25	1.5	26.75
252	Lê Thị	Phượng	HDT020198	1	25.75	1.0	26.75
253	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
254	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75
255	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
256	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75
257	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
258	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	1	26.25	0.5	26.75
259	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	1	23.25	3.5	26.75
260	Phạm Thị	Lan	HDT013264	1	25.25	1.5	26.75
261	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
263	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	1	25.75	1.0	26.75
264	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
265	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
266	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75
267	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
268	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
269	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
270	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
271	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
272	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	1	25.25	1.5	26.75
273	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
274	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
275	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
276	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	1	25.25	1.5	26.75
277	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75
278	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75
279	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	1	25.25	1.5	26.75
280	Lý Thị	Ghền	TND005756	2	23.00	3.5	26.50
281	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	2	25.00	1.5	26.50
282	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	2	25.00	1.5	26.50
283	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
284	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
285	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
286	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	2	25.00	1.5	26.50
287	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	2	23.00	3.5	26.50
288	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	2	26.00	0.5	26.50
289	Trần Ngọc	Mai	TND016088	2	23.00	3.5	26.50
290	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	2	23.00	3.5	26.50
292	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
293	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	2	23.00	3.5	26.50
294	Lã Văn	Băng	DCN000946	2	25.50	1.0	26.50
295	Nông Thị	Hằng	TND007466	2	23.00	3.5	26.50
296	Trần Thị	Hằng	HHA004440	2	23.00	3.5	26.50
297	Hoàng Thị	Lành	TND013442	2	23.00	3.5	26.50
298	Lý A	Chớ	TTB000675	2	23.00	3.5	26.50
299	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	2	25.00	1.5	26.50
300	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	2	25.50	1.0	26.50
301	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
302	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	2	23.00	3.5	26.50
303	Thào A	Pó	TTB004987	2	23.00	3.5	26.50
304	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
305	Phà Thó	Xa	THV015435	1	23.00	3.5	26.50
306	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	1	26.00	0.5	26.50
307	Lò Thị	Mừng	TTB004079	1	23.00	3.5	26.50
308	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	1	25.00	1.5	26.50
309	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
310	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
311	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
312	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50
313	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
314	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	1	23.00	3.5	26.50
315	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	1	25.00	1.5	26.50
316	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	1	26.00	0.5	26.50
317	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	1	23.00	3.5	26.50
318	Lê Đình	Đạt	HDT005241	1	23.00	3.5	26.50
319	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
321	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
322	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
323	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
324	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
325	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50
326	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50
327	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	1	23.00	3.5	26.50
328	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50
329	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	1	23.00	3.5	26.50
330	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50
331	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
332	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
333	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
334	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
335	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	1	23.00	3.5	26.50
336	Đàm Thị	Trang	TND026077	1	23.00	3.5	26.50
337	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	1	23.00	3.5	26.50
338	Đường Thu	Quyên	TND020757	1	23.00	3.5	26.50
339	Vàng Thị	Cúc	THV001679	1	23.00	3.5	26.50
340	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	1	26.00	0.5	26.50
341	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
342	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
343	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	1	26.00	0.5	26.50
344	Lê Thị	Dung	HDT003866	1	25.50	1.0	26.50
345	Lại Thị	Minh	DCN007378	1	25.50	1.0	26.50
346	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	1	23.00	3.5	26.50
347	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	1	23.00	3.5	26.50
348	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
350	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
351	Cao Thị	Giang	SPH004446	2	25.75	0.5	26.25
352	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	2	25.25	1.0	26.25
353	Lương Thị	Yến	TND030011	2	22.75	3.5	26.25
354	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
355	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
356	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25
357	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
358	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
359	Bùi Thị	Phượng	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
360	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25
361	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	2	24.75	1.5	26.25
362	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
363	Lê Thúy	Nga	DHU013914	1	25.75	0.5	26.25
364	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	1	25.25	1.0	26.25
365	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
366	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
367	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
368	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
369	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
370	Lương ý	Dung	KQH002046	1	22.75	3.5	26.25
371	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
372	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25
373	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	1	22.75	3.5	26.25
374	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
375	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	1	22.75	3.5	26.25
376	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	1	25.75	0.5	26.25
377	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	1	24.75	1.5	26.25
379	Vì Thị	Thuyết	THV013199	1	22.75	3.5	26.25
380	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25
381	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
382	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	1	23.25	3.0	26.25
383	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
384	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
385	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
386	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	1	25.25	1.0	26.25
387	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
388	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
389	Lương Thị	Bình	HDT002193	1	22.75	3.5	26.25
390	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	1	25.75	0.5	26.25
391	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25
392	Đình Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25
393	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
394	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
395	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
396	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
397	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
398	Đình Thị Trang	Nhung	TDV022297	1	25.75	0.5	26.25
399	Vũ Thị	Hiền	THV004397	1	22.75	3.5	26.25
400	Lê Thị	Thúy	HHA013877	1	25.75	0.5	26.25
401	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	1	22.75	3.5	26.25
402	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
403	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25
404	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
405	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
406	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
408	Đồng Mai	Phượng	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
409	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
410	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
411	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	1	25.25	1.0	26.25
412	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	1	24.75	1.5	26.25
413	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
414	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
415	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25
416	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	2	24.50	1.5	26.00
417	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
418	Trần Minh	Quang	THV010774	2	24.50	1.5	26.00
419	Tòng Thị	Thu	THV012859	2	22.50	3.5	26.00
420	Trần Lan	Hương	YTB010877	2	25.50	0.5	26.00
421	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
422	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	2	25.00	1.0	26.00
423	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
424	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00
425	Phạm Thị	Phượng	TND020049	2	24.50	1.5	26.00
426	Vàng Thị	ánh	TTB000324	2	22.50	3.5	26.00
427	Trần Thị Thu	Thủy	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
428	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
429	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	2	24.50	1.5	26.00
430	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	2	24.50	1.5	26.00
431	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	2	22.50	3.5	26.00
432	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	2	25.00	1.0	26.00
433	Nông Văn	Nam	TTB004168	2	22.50	3.5	26.00
434	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	2	24.50	1.5	26.00
435	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Trần Thị	Anh	THP000856	2	25.00	1.0	26.00
437	Bàn Thị	Hường	TND012100	2	22.50	3.5	26.00
438	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
439	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
440	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	1	24.50	1.5	26.00
441	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00
442	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00
443	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
444	Chu Thị	Hương	TDV014213	1	24.50	1.5	26.00
445	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	1	25.00	1.0	26.00
446	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
447	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
448	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
449	Đặng Thị	Thành	TDV027630	1	24.50	1.5	26.00
450	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
451	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
452	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	1	22.50	3.5	26.00
453	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	1	24.50	1.5	26.00
454	Hoàng Đình	Tuấn	BKA014247	1	25.50	0.5	26.00
455	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	1	22.50	3.5	26.00
456	Dương Ngọc	Yến	TTB007665	1	24.50	1.5	26.00
457	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
458	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
459	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
460	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
461	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00
462	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	1	22.50	3.5	26.00
463	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
464	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	1	22.50	3.5	26.00
466	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
467	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00
468	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
469	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
470	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
471	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	1	22.50	3.5	26.00
472	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
473	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
474	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	1	24.50	1.5	26.00
475	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
476	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
477	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
478	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
479	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00
480	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	1	25.00	1.0	26.00
481	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
482	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
483	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	1	25.50	0.5	26.00
484	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
485	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	1	25.00	1.0	26.00
486	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00
487	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
488	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00
489	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
490	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00
491	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
492	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	1	24.50	1.5	26.00
493	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
495	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	2	24.75	1.0	25.75
496	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	2	25.25	0.5	25.75
497	Chắc Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
498	Hà Thị	Hồng	HDT010044	2	22.25	3.5	25.75
499	Lê Đức	Chung	THP001700	2	24.25	1.5	25.75
500	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	2	22.25	3.5	25.75
501	Lê Ngọc	Linh	TND014252	2	24.25	1.5	25.75
502	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	2	25.25	0.5	25.75
503	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
504	Lưu Thị Thanh	Hoa	TQU001917	2	24.25	1.5	25.75
505	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	2	22.25	3.5	25.75
506	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	2	24.25	1.5	25.75
507	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
508	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	2	24.25	1.5	25.75
509	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
510	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
511	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	2	24.25	1.5	25.75
512	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
513	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
514	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	1	22.25	3.5	25.75
515	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	1	25.25	0.5	25.75
516	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	1	24.25	1.5	25.75
517	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
518	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75
519	Lê Thị	Nhung	HDT018789	1	24.75	1.0	25.75
520	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	1	24.75	1.0	25.75
521	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
522	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	1	25.25	0.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Phạm Mai	Linh	THP008476	1	25.25	0.5	25.75
524	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	1	24.75	1.0	25.75
525	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
526	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	1	24.25	1.5	25.75
527	Hoàng Thị	Phượng	SPH013614	1	25.25	0.5	25.75
528	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
529	Nguyễn Thị	Phượng	HHA011196	1	25.25	0.5	25.75
530	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	1	24.25	1.5	25.75
531	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	1	22.25	3.5	25.75
532	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	1	24.25	1.5	25.75
533	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	1	25.25	0.5	25.75
534	Chu Minh	Trang	DCN011617	1	25.25	0.5	25.75
535	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	1	22.25	3.5	25.75
536	Trần Thị	Giang	TDV007480	1	25.25	0.5	25.75
537	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	1	24.75	1.0	25.75
538	Trần Thị Trà	My	LNH006246	1	24.25	1.5	25.75
539	Lương Đình	Hùng	TND010463	1	22.25	3.5	25.75
540	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75
541	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	1	24.25	1.5	25.75
542	Tống Thị	Duyên	TND004393	1	24.25	1.5	25.75
543	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75
544	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
545	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
546	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	1	24.25	1.5	25.75
547	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	1	24.25	1.5	25.75
548	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	1	22.25	3.5	25.75
549	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	1	24.25	1.5	25.75
550	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	1	24.25	1.5	25.75
551	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
553	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	1	25.25	0.5	25.75
554	Võ Thị	Thúy	TDV030786	1	25.25	0.5	25.75
555	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
556	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
557	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75
558	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	1	24.75	1.0	25.75
559	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
560	Lý Ngọc	Linh	TND014313	2	22.00	3.5	25.50
561	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	2	25.00	0.5	25.50
562	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	2	22.00	3.5	25.50
563	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	2	25.00	0.5	25.50
564	Lý Thị	Nường	TND019243	2	22.00	3.5	25.50
565	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	2	22.00	3.5	25.50
566	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
567	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	2	25.00	0.5	25.50
568	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	2	25.00	0.5	25.50
569	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	2	25.00	0.5	25.50
570	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	2	24.00	1.5	25.50
571	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50
572	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
573	Lê Thu	Hà	TTB001744	2	24.00	1.5	25.50
574	Mào Thị	Duyên	TTB001294	2	22.00	3.5	25.50
575	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	2	24.00	1.5	25.50
576	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	1	24.00	1.5	25.50
577	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	1	22.00	3.5	25.50
578	Chế Thị	Nhung	TDV022280	1	25.00	0.5	25.50
579	Đồng Thị	Mến	THP009447	1	24.50	1.0	25.50
580	Vi Thị	Hồng	TND009891	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	1	22.00	3.5	25.50
582	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
583	Hà Thị	Hồng	HDT010045	1	24.50	1.0	25.50
584	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50
585	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
586	Từ Thị	Lý	TDV018537	1	24.00	1.5	25.50
587	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
588	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
589	Vũ Thị	Trà	TND025993	1	24.00	1.5	25.50
590	Lê Thị	Như	TDV022628	1	24.00	1.5	25.50
591	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	1	25.00	0.5	25.50
592	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
593	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
594	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
595	Dương Thu	Thảo	TTB005843	1	24.00	1.5	25.50
596	Cao Xuân	Hiền	THV004247	1	22.00	3.5	25.50
597	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	1	25.00	0.5	25.50
598	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	1	25.00	0.5	25.50
599	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50
600	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	1	23.00	2.5	25.50
601	Mai Thị	Hồng	HDT010113	1	24.50	1.0	25.50
602	Vũ Thị	Linh	HDT014998	1	24.50	1.0	25.50
603	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	1	24.00	1.5	25.50
604	Nông Thị	Phượng	TND020262	1	22.00	3.5	25.50
605	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	1	24.50	1.0	25.50
606	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50
607	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
608	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	1	22.00	3.5	25.50
609	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Bùi Thúy	Phương	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
611	Phương Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
612	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	1	25.00	0.5	25.50
613	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	1	22.00	3.5	25.50
614	Đào Khánh	Dương	TTB001330	1	24.00	1.5	25.50
615	Lương Ngọc	Anh	THV000308	1	24.00	1.5	25.50
616	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	1	22.00	3.5	25.50
617	Tấn Thị	Thảo	THV012338	1	22.00	3.5	25.50
618	Lò Văn	Thêm	TTB006079	1	22.00	3.5	25.50
619	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	1	22.00	3.5	25.50
620	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	1	24.00	1.5	25.50
621	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	1	25.00	0.5	25.50
622	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
623	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
624	Vũ Mỹ	Hoa	YTB008336	2	24.25	1.0	25.25
625	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	2	21.75	3.5	25.25
626	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25
627	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
628	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
629	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	2	24.75	0.5	25.25
630	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
631	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
632	Hứa Thị	Tươi	TND028723	2	21.75	3.5	25.25
633	Đinh Thị	Vân	HHA016046	2	23.75	1.5	25.25
634	Nguyễn Như	Quỳnh	HDT021148	2	23.75	1.5	25.25
635	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	2	23.75	1.5	25.25
636	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
637	Đoàn Thị	Tuyết	HDT029039	2	24.25	1.0	25.25
638	Luân Thị	Thùy	TND024692	2	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	2	24.75	0.5	25.25
640	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	1	21.75	3.5	25.25
641	Hồ Thị Quỳnh	Anh	DHU000256	1	24.75	0.5	25.25
642	Lê Thị	Thùy	SPH016490	1	24.75	0.5	25.25
643	Lô Thị	Hoa	TND008738	1	21.75	3.5	25.25
644	Mai Thị	Trang	HDT026674	1	24.25	1.0	25.25
645	Nông Thị	Tuyết	THV014933	1	21.75	3.5	25.25
646	Dương Thị	Lương	TND015496	1	24.25	1.0	25.25
647	Ngô Thị	Đào	HDT005142	1	24.25	1.0	25.25
648	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25
649	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
650	Dương Thị	Thương	TLA013548	1	24.25	1.0	25.25
651	Ma Thị	Huế	TND010086	1	21.75	3.5	25.25
652	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	1	21.75	3.5	25.25
653	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	1	24.25	1.0	25.25
654	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	1	23.25	2.0	25.25
655	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	1	21.75	3.5	25.25
656	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
657	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	1	21.75	3.5	25.25
658	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25
659	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25
660	Hoàng Thị	Liên	TND013846	1	21.75	3.5	25.25
661	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
662	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	1	24.25	1.0	25.25
663	Cao Thị	Xuyến	TND029846	1	21.75	3.5	25.25
664	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	1	24.25	1.0	25.25
665	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	1	23.75	1.5	25.25
666	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	1	24.25	1.0	25.25
667	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25
669	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
670	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
671	Sái Kiều	Liên	TND013898	1	21.75	3.5	25.25
672	Hoàng Thị Thanh	Huyền	HDT011326	1	24.25	1.0	25.25
673	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25
674	Đinh Thị	Hảo	TND007146	1	21.75	3.5	25.25
675	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	1	23.75	1.5	25.25
676	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
677	Hà Thị	Hoa	LNH003408	1	21.75	3.5	25.25
678	Hà Văn	Long	HDT015212	1	21.75	3.5	25.25
679	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	1	24.75	0.5	25.25
680	Lò Văn	Thượng	THV013337	1	21.75	3.5	25.25
681	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	1	23.75	1.5	25.25
682	Đỗ Thị	Mặn	SPH011222	2	24.00	1.0	25.00
683	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	2	21.50	3.5	25.00
684	Cà Thị	Quyên	TTB005106	2	21.50	3.5	25.00
685	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00
686	Mộc Văn	Chinh	THV001405	2	21.50	3.5	25.00
687	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	2	21.50	3.5	25.00
688	Phùng Thị	Mai	TND016070	2	21.50	3.5	25.00
689	Trịnh Thu	Hà	THV003643	2	23.50	1.5	25.00
690	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
691	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	2	21.50	3.5	25.00
692	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	2	24.50	0.5	25.00
693	Nông Thị	Hợp	TND009923	2	21.50	3.5	25.00
694	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	2	21.50	3.5	25.00
695	Phan Thị	Trinh	TTB006890	2	23.50	1.5	25.00
696	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	2	23.50	1.5	25.00
698	Đào Thị	Hà	TDV007591	1	23.50	1.5	25.00
699	Phạm Thị	Linh	HDT014743	1	24.00	1.0	25.00
700	Lê Văn	Bắc	TND001595	1	21.50	3.5	25.00
701	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00
702	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	1	21.50	3.5	25.00
703	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	1	21.50	3.5	25.00
704	Giàng A	Sênh	THV011312	1	21.50	3.5	25.00
705	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	1	23.50	1.5	25.00
706	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
707	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	1	21.50	3.5	25.00
708	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
709	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	1	23.50	1.5	25.00
710	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
711	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	1	23.50	1.5	25.00
712	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
713	Nông Thu	Hà	TND006410	1	21.50	3.5	25.00
714	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	1	21.50	3.5	25.00
715	Vũ Thị	Liên	YTB012306	1	24.00	1.0	25.00
716	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
717	Vương Thị	Quế	TDV024851	1	24.00	1.0	25.00
718	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
719	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
720	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	1	24.00	1.0	25.00
721	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
722	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	1	23.50	1.5	25.00
723	Hà Thị	My	LNH006229	1	21.50	3.5	25.00
724	Thào A	Mếnh	DCN007325	1	22.50	2.5	25.00
725	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	1	24.50	0.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Lê Thị	Huyền	HDT011361	1	21.50	3.5	25.00
727	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	1	21.50	3.5	25.00
728	Vũ Thị	Dương	THP002855	1	24.50	0.5	25.00
729	Lý Mùi	Chuồng	TND002712	2	21.25	3.5	24.75
730	Tăng Thị	Chang	THP001430	2	23.75	1.0	24.75
731	Trần Thị	Phượng	HHA011396	2	21.25	3.5	24.75
732	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	2	21.25	3.5	24.75
733	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	2	23.75	1.0	24.75
734	Từ Thị	Tuyến	TND028584	2	23.25	1.5	24.75
735	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	2	24.25	0.5	24.75
736	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
737	Hà Văn	Thắm	HDT023531	2	21.25	3.5	24.75
738	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
739	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
740	Lý Thị	Thanh	TND022460	2	21.25	3.5	24.75
741	Nông Thị	Tình	TND025686	2	21.25	3.5	24.75
742	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	2	24.25	0.5	24.75
743	Đinh Thị	Dự	TQU001020	2	21.25	3.5	24.75
744	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	2	21.25	3.5	24.75
745	Phùng Thị	Phượng	TND020269	2	21.25	3.5	24.75
746	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	2	23.25	1.5	24.75
747	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	DHU018958	1	23.25	1.5	24.75
748	Nguyễn Tuyết	Mai	TDV018744	1	23.75	1.0	24.75
749	Quan Thị	Vân	TQU006433	1	21.25	3.5	24.75
750	Lê Ngọc	Linh	TND014253	1	21.25	3.5	24.75
751	Phạm Thị	Giang	HDT006422	1	23.25	1.5	24.75
752	Ma Thị Hương	Thảo	KQH012589	1	21.25	3.5	24.75
753	Doãn Thị	Tình	TDV031596	1	23.25	1.5	24.75
754	Cao Thị	Trang	SPH017281	1	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Liềng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75
756	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
757	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
758	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	1	23.75	1.0	24.75
759	Lò Thạc	Khuê	THV006689	1	21.25	3.5	24.75
760	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
761	Đình Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
762	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	1	21.25	3.5	24.75
763	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	1	23.75	1.0	24.75
764	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
765	Nông Quốc	Cường	TND003259	1	21.25	3.5	24.75
766	Lý Thị	Hạnh	TND006945	1	21.25	3.5	24.75
767	Bế Thị	Định	TND005206	1	21.25	3.5	24.75
768	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	1	23.25	1.5	24.75
769	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	1	23.75	1.0	24.75
770	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	1	23.75	1.0	24.75
771	Bùi Thị	Dung	HDT003743	1	23.75	1.0	24.75
772	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	1	23.25	1.5	24.75
773	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	1	21.25	3.5	24.75
774	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	1	23.75	1.0	24.75
775	Hà Thị Hoài	Hiên	THV004233	2	21.00	3.5	24.50
776	Lò Thị	Thanh	TTB005665	2	21.00	3.5	24.50
777	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	2	21.00	3.5	24.50
778	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
779	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	2	23.00	1.5	24.50
780	Chấu Thị	Ly	TQU003450	2	21.00	3.5	24.50
781	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50
782	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
783	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Pờ Gia	Pó	TTB004995	2	21.00	3.5	24.50
785	Giàng Văn	Tư	TQU006328	2	21.00	3.5	24.50
786	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
787	Đào Thị	Thu	THP014025	2	23.50	1.0	24.50
788	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028137	2	24.00	0.5	24.50
789	Vì Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
790	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	2	21.00	3.5	24.50
791	Lò Thị	Hằng	TTB002023	2	21.00	3.5	24.50
792	Hoàng Kim	Phú	TND019597	2	21.00	3.5	24.50
793	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	2	23.50	1.0	24.50
794	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	2	21.00	3.5	24.50
795	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
796	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	2	24.00	0.5	24.50
797	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50
798	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	1	24.00	0.5	24.50
799	Ngô Thị Lan	Phương	DHU017849	1	24.00	0.5	24.50
800	Đào Thị	Thúy	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
801	Lương Thị	Thắm	TTB005973	1	21.00	3.5	24.50
802	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	1	23.50	1.0	24.50
803	Trương Thành	Đức	BJA003356	1	24.00	0.5	24.50
804	Trần Thái	Bảo	SPH001971	1	24.50		24.50
805	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	1	24.00	0.5	24.50
806	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	1	23.00	1.5	24.50
807	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	1	23.00	1.5	24.50
808	Lê Thị	Hường	HDT012462	1	23.50	1.0	24.50
809	Lương Thị	Linh	HDT014285	1	23.00	1.5	24.50
810	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	1	23.00	1.5	24.50
811	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	1	21.00	3.5	24.50
812	Phạm Thị Thuý	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
814	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
815	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50
816	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
817	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
818	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50
819	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	1	23.00	1.5	24.50
820	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
821	Lương Kim	Hoàn	TND009285	1	21.00	3.5	24.50
822	Hà Thị	Phượng	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
823	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
824	Trần Thị	Hiền	THP004893	1	23.50	1.0	24.50
825	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	1	24.00	0.5	24.50
826	Triệu Thị	Diệu	TND003543	1	21.00	3.5	24.50
827	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
828	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	3	23.25	1.0	24.25
829	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
830	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	2	23.25	1.0	24.25
831	Vũ Hương	Hà	TND006516	2	20.75	3.5	24.25
832	Nông Thị	Vin	TND029364	2	20.75	3.5	24.25
833	Đào Duy	Hải	TLA004256	2	23.75	0.5	24.25
834	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
835	Long Quốc	Huấn	TND009988	2	20.75	3.5	24.25
836	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
837	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	2	24.25		24.25
838	Trần Thị Nhật	Lệ	BKA007204	2	23.75	0.5	24.25
839	Lục Văn	Đình	TND005198	2	20.75	3.5	24.25
840	Đinh Thị	Thu	TQU005345	2	22.75	1.5	24.25
841	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Chầu Thị	Thuỷ	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
843	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25
844	Nông Nguyệt	Hà	TND006403	2	20.75	3.5	24.25
845	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	2	22.75	1.5	24.25
846	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
847	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25
848	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	2	22.75	1.5	24.25
849	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
850	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	2	22.75	1.5	24.25
851	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	1	22.75	1.5	24.25
852	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
853	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	1	22.75	1.5	24.25
854	Lê Thị	Linh	SPH009611	1	23.75	0.5	24.25
855	Trần Thị	Nha	TND018488	1	20.75	3.5	24.25
856	Đinh Thị	Liên	LNH005113	1	20.75	3.5	24.25
857	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	1	23.25	1.0	24.25
858	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
859	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	1	23.25	1.0	24.25
860	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
861	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	1	23.25	1.0	24.25
862	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
863	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
864	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25
865	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	1	23.25	1.0	24.25
866	Trần Thùy	Linh	YTB013134	1	23.75	0.5	24.25
867	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25
868	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	1	20.75	3.5	24.25
869	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	1	22.75	1.5	24.25
870	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	1	23.25	1.0	24.25
872	Lê Thị	Giang	HDT006293	1	23.25	1.0	24.25
873	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
874	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	2	20.50	3.5	24.00
875	Tấn San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
876	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	2	20.50	3.5	24.00
877	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	2	23.50	0.5	24.00
878	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	2	20.50	3.5	24.00
879	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
880	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	2	20.50	3.5	24.00
881	Phạm Thị	Lý	HDT015892	2	22.50	1.5	24.00
882	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	2	20.50	3.5	24.00
883	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	2	22.50	1.5	24.00
884	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	2	20.50	3.5	24.00
885	Lò Văn	Thủy	TTB006374	2	20.50	3.5	24.00
886	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
887	Phạm Thị	Thảo	THV012317	2	22.50	1.5	24.00
888	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
889	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00
890	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
891	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	2	20.50	3.5	24.00
892	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	2	20.50	3.5	24.00
893	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	2	22.50	1.5	24.00
894	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
895	Chu Thị	Thảo	SPH015531	2	23.50	0.5	24.00
896	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	1	23.50	0.5	24.00
897	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	1	22.50	1.5	24.00
898	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	1	23.00	1.0	24.00
899	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Đỗ Thị	Phương	HDT019670	1	22.50	1.5	24.00
901	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	1	23.00	1.0	24.00
902	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
903	Ma Thị	Lan	TQU002923	1	20.50	3.5	24.00
904	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
905	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00
906	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	1	20.50	3.5	24.00
907	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	1	22.50	1.5	24.00
908	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	1	20.50	3.5	24.00
909	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	1	23.50	0.5	24.00
910	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00
911	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
912	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	1	23.50	0.5	24.00
913	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	1	23.50	0.5	24.00
914	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	1	22.50	1.5	24.00
915	Phùng Văn	Pu	TND020306	1	20.50	3.5	24.00
916	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	1	23.00	1.0	24.00
917	Đình Thị	Phương	TDL011197	1	22.50	1.5	24.00
918	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
919	Chu Tú	Anh	TND000127	1	20.50	3.5	24.00
920	Trần Thị	Hường	THV006436	1	22.50	1.5	24.00
921	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
922	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
923	Mã Thu	Thủy	NLS012268	1	22.50	1.5	24.00
924	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
925	Vũ Thị	Tư	YTB024658	4	22.75	1.0	23.75
926	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
927	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	2	22.25	1.5	23.75
928	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	2	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Trương Đình	Tiến	BKA013089	2	23.25	0.5	23.75
930	Lương Thị	Phương	TDV023878	2	22.75	1.0	23.75
931	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	2	22.25	1.5	23.75
932	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007935	2	22.25	1.5	23.75
933	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
934	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	2	20.25	3.5	23.75
935	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	2	22.75	1.0	23.75
936	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	2	22.25	1.5	23.75
937	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
938	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	2	20.25	3.5	23.75
939	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	2	22.75	1.0	23.75
940	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
941	Đồng Thị	Hà	TQU001392	2	20.25	3.5	23.75
942	Hoàng Văn	Kiểm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
943	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	2	22.25	1.5	23.75
944	Nông Thị	Thơm	TND024271	2	20.25	3.5	23.75
945	Dương Thị	Sâm	HDT021448	2	22.75	1.0	23.75
946	Hoàng Hải	Yến	THV015567	2	20.25	3.5	23.75
947	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	2	20.25	3.5	23.75
948	Lê Minh	Hiền	TDV009786	1	22.75	1.0	23.75
949	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	1	22.75	1.0	23.75
950	Quàng Văn	Quyển	THV010988	1	20.25	3.5	23.75
951	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
952	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75
953	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
954	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	1	22.25	1.5	23.75
955	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
956	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	1	22.75	1.0	23.75
957	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	1	22.75	1.0	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	1	22.25	1.5	23.75
959	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	1	22.25	1.5	23.75
960	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
961	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75
962	Dương Thị	Thanh	TND022393	1	22.75	1.0	23.75
963	Đàm Ngọc	Vũ	THV015319	1	22.25	1.5	23.75
964	Lê Thị	Trang	HDT026601	1	20.25	3.5	23.75
965	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
966	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	1	22.25	1.5	23.75
967	Trần Thị	Yến	TDV037128	1	22.25	1.5	23.75
968	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	1	22.25	1.5	23.75
969	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	1	23.25	0.5	23.75
970	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	1	22.75	1.0	23.75
971	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
972	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
973	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	1	23.25	0.5	23.75
974	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	2	20.00	3.5	23.50
975	Hoàng Thị	Tú	TND027468	2	20.00	3.5	23.50
976	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	2	22.00	1.5	23.50
977	Trần Lệ	Tĩnh	TTB006645	2	22.00	1.5	23.50
978	Phạm Minh	Phương	TQU004362	2	22.00	1.5	23.50
979	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	2	22.50	1.0	23.50
980	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	2	22.50	1.0	23.50
981	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	2	20.00	3.5	23.50
982	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	2	22.00	1.5	23.50
983	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	2	23.00	0.5	23.50
984	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	2	22.50	1.0	23.50
985	Ma Thị	Thảo	TQU005070	2	20.00	3.5	23.50
986	Thào A	Sam	TTB005250	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Hà Thị	Huỳnh	TQU002531	2	20.00	3.5	23.50
988	Đinh Thị	Vũ	TTB007537	2	20.00	3.5	23.50
989	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	2	20.00	3.5	23.50
990	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50
991	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
992	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	1	22.00	1.5	23.50
993	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
994	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	1	20.00	3.5	23.50
995	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
996	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	1	21.00	2.5	23.50
997	Vì Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
998	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	1	22.00	1.5	23.50
999	Triệu Văn	Cao	TND002019	1	20.00	3.5	23.50
1000	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	1	22.00	1.5	23.50
1001	Quảng Thị	Phương	TTB004924	1	20.00	3.5	23.50
1002	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	1	22.50	1.0	23.50
1003	Nông Văn	Quân	TND020573	1	20.00	3.5	23.50
1004	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	1	23.00	0.5	23.50
1005	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
1006	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
1007	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	1	22.50	1.0	23.50
1008	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	1	22.50	1.0	23.50
1009	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	1	22.50	1.0	23.50
1010	Tô Thị	Hường	TND012241	1	20.00	3.5	23.50
1011	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	1	22.00	1.5	23.50
1012	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	1	22.50	1.0	23.50
1013	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	2	19.75	3.5	23.25
1014	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	2	21.75	1.5	23.25
1015	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	2	22.75	0.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25
1017	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	2	22.25	1.0	23.25
1018	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
1019	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	2	21.75	1.5	23.25
1020	Trần Quang	Huy	TQU002382	2	21.75	1.5	23.25
1021	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	2	21.75	1.5	23.25
1022	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
1023	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
1024	Quách Văn	Long	TQU003359	2	19.75	3.5	23.25
1025	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	2	21.75	1.5	23.25
1026	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	2	22.25	1.0	23.25
1027	Phan Thị	Tinh	TND025687	2	19.75	3.5	23.25
1028	Vĩ Văn	Son	THV011363	2	19.75	3.5	23.25
1029	Giàng A	Dơ	THV001993	2	19.75	3.5	23.25
1030	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	DHU021233	1	22.75	0.5	23.25
1031	Hồ Thị	Hiền	HDT008370	1	21.75	1.5	23.25
1032	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	1	22.25	1.0	23.25
1033	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
1034	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	1	19.75	3.5	23.25
1035	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
1036	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	1	21.75	1.5	23.25
1037	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	1	19.75	3.5	23.25
1038	Cao Thị	Thơm	THP013977	1	22.25	1.0	23.25
1039	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
1040	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	1	22.25	1.0	23.25
1041	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
1042	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
1043	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	1	22.75	0.5	23.25
1044	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
1046	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	1	19.75	3.5	23.25
1047	Hồ A	Lênh	THV007142	1	19.75	3.5	23.25
1048	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	1	21.75	1.5	23.25
1049	Trần Thị	Hoa	TDV010974	1	22.25	1.0	23.25
1050	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	1	22.25	1.0	23.25
1051	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	1	19.75	3.5	23.25
1052	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	1	22.25	1.0	23.25
1053	Lò Thị	Thanh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
1054	Vũ Đình	Trường	THV014322	1	21.75	1.5	23.25
1055	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
1056	Vũ Thị	ánh	TND001455	3	21.50	1.5	23.00
1057	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
1058	Trần Thị	Dịu	TLA002418	2	22.00	1.0	23.00
1059	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	2	19.50	3.5	23.00
1060	Vũ Thị	Thu	TDV029960	2	22.00	1.0	23.00
1061	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
1062	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
1063	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	2	22.00	1.0	23.00
1064	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	2	19.50	3.5	23.00
1065	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	2	21.50	1.5	23.00
1066	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
1067	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	2	21.50	1.5	23.00
1068	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
1069	Vũ Thị	Lý	HDT015908	2	22.00	1.0	23.00
1070	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	2	22.50	0.5	23.00
1071	Liều Thanh	Huyền	TND011126	1	19.50	3.5	23.00
1072	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	1	21.50	1.5	23.00
1073	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
1075	Lò Thị	Chung	TTB000738	1	19.50	3.5	23.00
1076	Hồ Thị	Yến	TDV036873	1	22.00	1.0	23.00
1077	Nông Thị Mỹ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
1078	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	1	21.50	1.5	23.00
1079	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	1	20.50	2.5	23.00
1080	Phan Diệu	Anh	TTB000226	1	21.50	1.5	23.00
1081	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	1	19.50	3.5	23.00
1082	Vi Thị	Phượng	TND020125	1	19.50	3.5	23.00
1083	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	1	19.50	3.5	23.00
1084	Đỗ Thị	Linh	HDT013827	1	21.50	1.5	23.00
1085	Trần Anh	Nhất	YTB016199	1	22.00	1.0	23.00
1086	Trần Thương	Thương	THV013317	1	19.50	3.5	23.00
1087	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	1	19.50	3.5	23.00
1088	Đào Thị	Thu	HVN010083	1	22.00	1.0	23.00
1089	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
1090	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	2	21.25	1.5	22.75
1091	Lê Văn	Anh	LNH000286	2	19.25	3.5	22.75
1092	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	2	21.25	1.5	22.75
1093	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	2	20.25	2.5	22.75
1094	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75
1095	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	2	19.25	3.5	22.75
1096	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
1097	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
1098	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	2	22.25	0.5	22.75
1099	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	2	19.25	3.5	22.75
1100	La Phương	Thắm	TND023432	1	19.25	3.5	22.75
1101	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	1	21.25	1.5	22.75
1102	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	1	21.75	1.0	22.75
1104	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
1105	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	1	21.75	1.0	22.75
1106	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	1	19.25	3.5	22.75
1107	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	1	19.25	3.5	22.75
1108	Trần Thị	Hậu	SPH005825	1	19.25	3.5	22.75
1109	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
1110	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75
1111	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
1112	Hà Kiều	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
1113	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	LNH006808	1	21.25	1.5	22.75
1114	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	2	21.50	1.0	22.50
1115	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	2	19.00	3.5	22.50
1116	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	2	21.00	1.5	22.50
1117	Nông Cao	Định	TTN003809	2	19.00	3.5	22.50
1118	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	2	19.00	3.5	22.50
1119	Lâu Thị	Bình	TND001846	1	19.00	3.5	22.50
1120	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	1	21.00	1.5	22.50
1121	Phạm Thị	Lan	HVN005564	1	21.50	1.0	22.50
1122	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	1	19.00	3.5	22.50
1123	Hoàng Thị	Uớc	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
1124	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	1	22.00	0.5	22.50
1125	Sùng A	Ná	TTB004102	1	19.00	3.5	22.50
1126	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
1127	Sùng Seo	Vảng	THV015071	2	18.75	3.5	22.25
1128	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25
1129	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	2	21.25	1.0	22.25
1130	Vũ Thị	Phương	TND020139	2	20.75	1.5	22.25
1131	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	2	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
1133	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
1134	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
1135	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	2	21.25	1.0	22.25
1136	Nông Thị	Huyền	TQU002400	2	18.75	3.5	22.25
1137	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
1138	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
1139	Trương Thị	Vân	TLA015511	2	21.25	1.0	22.25
1140	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
1141	Phàn A	ỏn	THV010150	2	18.75	3.5	22.25
1142	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
1143	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
1144	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
1145	Ma Thị	Hạ	TQU001461	1	18.75	3.5	22.25
1146	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	1	21.25	1.0	22.25
1147	Hà Hồng	Hiệp	HDT008729	1	18.75	3.5	22.25
1148	Đoàn Thị Minh	Phượng	YTB017207	2	21.50	0.5	22.00
1149	Trương Phương	Nam	TND017216	2	18.50	3.5	22.00
1150	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
1151	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
1152	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
1153	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	2	20.50	1.5	22.00
1154	Lương Minh	Phụng	HDT019590	2	18.50	3.5	22.00
1155	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
1156	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	2	21.00	1.0	22.00
1157	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	2	20.50	1.5	22.00
1158	Nguyễn Văn	Phong	TND019563	1	20.50	1.5	22.00
1159	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	1	21.00	1.0	22.00
1160	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	1	21.50	0.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Đinh Thị	Hương	TND011720	1	20.50	1.5	22.00
1162	Lưu Thị	Thoa	TND024098	1	18.50	3.5	22.00
1163	Phạm Viết	Khởi	THP007553	2	21.25	0.5	21.75
1164	Lô Kiều	Ngân	TND017565	2	18.25	3.5	21.75
1165	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
1166	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	1	20.25	1.5	21.75
1167	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	2	20.00	1.5	21.50
1168	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	2	18.00	3.5	21.50
1169	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	2	20.50	1.0	21.50
1170	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	2	18.00	3.5	21.50
1171	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	2	18.00	3.5	21.50
1172	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	2	20.50	1.0	21.50
1173	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	2	20.50	1.0	21.50
1174	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50
1175	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
1176	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	2	20.00	1.5	21.50
1177	Mào Thị	Duyên	TTB001293	1	18.00	3.5	21.50
1178	Trần Thị	Mơ	KQH009174	1	21.00	0.5	21.50
1179	Đào Bích	Ngọc	THV009420	1	18.00	3.5	21.50
1180	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50
1181	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	1	20.00	1.5	21.50
1182	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
1183	Vi Thị	Thao	TND022768	2	17.75	3.5	21.25
1184	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	2	19.75	1.5	21.25
1185	Lê Văn	Đức	HDT005906	2	20.25	1.0	21.25
1186	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
1187	Vũ Thị	Thanh	THP013104	2	20.75	0.5	21.25
1188	Trần Thị	Khuyên	THP007573	1	20.25	1.0	21.25
1189	Đinh Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
1191	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25
1192	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	1	17.75	3.5	21.25
1193	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
1194	Lò Thị	Thuận	TTB006312	3	17.50	3.5	21.00
1195	Giàng A	Cu	TTB000851	2	17.50	3.5	21.00
1196	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
1197	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	2	20.00	1.0	21.00
1198	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
1199	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
1200	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75
1201	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
1202	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
1203	Vũ Thành	Duy	TND004268	1	19.25	1.5	20.75
1204	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	1	19.75	1.0	20.75
1205	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1206	Sùng A	Tá	TTB005495	2	17.00	3.5	20.50
1207	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	1	19.50	1.0	20.50
1208	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	1	19.00	1.5	20.50
1209	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
1210	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	2	19.75	0.5	20.25
1211	Thào A	Tăng	TTB005526	2	16.50	3.5	20.00
1212	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
1213	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	2	16.50	3.5	20.00
1214	Giàng Thị	Dinh	THV001961	2	16.50	3.5	20.00
1215	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	2	16.25	3.5	19.75
1216	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
1217	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
1218	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 16/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	2	18.00	1.5	19.50
1220	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	2	18.50	1.0	19.50
1221	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	2	15.75	3.5	19.25
1222	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
1223	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	2	15.50	3.5	19.00
1224	Cà Thị	Hoa	TTB002291	2	15.50	3.5	19.00
1225	Lương Thị Thanh	Tuyền	TND028474	2	15.50	3.5	19.00
1226	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
1227	Lò Minh	Tiến	TTB006573	2	15.00	3.5	18.50
1228	Đỗ Văn	Hiếu	THV004510	2	17.00	1.5	18.50
1229	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
1230	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	2	16.75	1.5	18.25
1231	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
1232	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	2	17.25	0.5	17.75
1233	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
1234	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	2	16.75	0.5	17.25
1235	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	2	16.25	0.5	16.75
1236	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
1237	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	2	15.00	1.5	16.50
1238	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	1	15.00	1.0	16.00
1239	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	2	14.50	1.0	15.50
1240	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50
1241	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	2	11.75	3.5	15.25
1242	Lò Văn	Thanh	TTB005679	2	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU